

Bảng Điểm Học Phần: **QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH**

Lớp: QTKD 21/1 - Khoá 21- Hệ chính quy - Bậc :TCCN

Giảng viên phụ trách: **Lê Hồng Nhung**

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
1	Nguyễn Thị Thúy An	04/10/92	7	6	6	5	5.5	năm rưỡi	
2	Vũ Thành An	20/02/87	10	7	8	3	5.5	năm rưỡi	
3	Trương Thị Kim Anh	08/06/92	9	6	7	4	5.5	năm rưỡi	
4	Nguyễn Thùy Như Anh	31/10/92	9	2	4	2	3.0	ba chẵn	
5	Võ Thị Ngọc Bích	05/07/92	7	7	7	7	7.0	bảy chẵn	
6	Ngô Gia Bình	11/08/92	0	6	4	5	4.5	bốn rưỡi	
7	Nguyễn Thị Diễm	20/03/92	7	8	8	7	7.5	bảy rưỡi	
8	Trần Nguyễn Vĩnh Điền	04/06/89	7	4	5	2	3.5	ba rưỡi	
9	Nguyễn Thị Thanh Diệp	10/01/91	10	8	9	7	8.0	tám chẵn	
10	Hoàng Kim Dung	25/05/91	9	3	5	3	4.0	bốn chẵn	
11	Võ Thị Thùy Dung	00/00/92	7	3	4	4	4.0	bốn chẵn	
12	Tạ Quốc Duy	29/09/91	8	7	7	0	3.5	ba rưỡi	
13	Võ Thị Thu Hà	07/10/92	9	4	6	2	4.0	bốn chẵn	
14	Nguyễn Hồng Hà	01/04/92	8	5	6	7	6.5	sáu rưỡi	
15	Nguyễn Văn Hiền	20/10/91	7	8	8	4	6.0	sáu chẵn	
16	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	30/11/92	8	3	5	5	5.0	năm chẵn	
17	Kiang Tuấn Hiền	25/09/91	6	5	5	5	5.0	năm chẵn	
18	Võ Trương Thanh Hiệp	20/05/89	0	0	0	0	0.0	không chẵn	
19	Đặng Công Hiếu	28/08/92	9	4	6	5	5.5	năm rưỡi	
20	Tô Kim Hùng	08/05/88	10	5	7	6	6.5	sáu rưỡi	
21	Dịch Kim Hùng	05/08/91	7	6	6	3	4.5	bốn rưỡi	
22	Nguyễn Thị Hương	12/03/91	7	4	5	3	4.0	bốn chẵn	
23	Dương Thị Thu Hương	14/03/91	7	3	4	4	4.0	bốn chẵn	
24	Phạm Thị Diễm Hương	06/12/92	7	4	5	1	3.0	ba chẵn	
25	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	28/02/92	7	3	4	2	3.0	ba chẵn	
26	Đặng Thị Thúy Kiều	06/08/92	9	5	6	2	4.0	bốn chẵn	
27	Nguyễn Thị Kim Lâu	14/11/91	8	6	7	5	6.0	sáu chẵn	
28	Đoàn Thịnh Lợi	03/05/89	9	5	6	5	5.5	năm rưỡi	
29	Huỳnh Khánh Long	23/05/89	6	5	5	2	3.5	ba rưỡi	
30	Huỳnh Thị Ly	16/06/92	9	8	8	2	5.0	năm chẵn	
31	Nguyễn Ngọc Tuyết Mai	22/12/89	7	5	6	2	4.0	bốn chẵn	
32	Nguyễn An Minh	15/10/92	6	4	5	2	3.5	ba rưỡi	
33	Trần Quốc Nam	26/11/90	0	4	3	2	2.5	hai rưỡi	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
34	Ngô Hoàng Nam	12/01/90	10	5	7	7	7.0	bảy chẵn	
35	Đặng Như Ngọc	19/04/92	9	3	5	0	2.5	hai rưỡi	
36	Dương Thành Nguyên	04/01/91	7	4	5	5	5.0	năm chẵn	
37	Phan Thị Thảo Nguyên	11/02/89	0	0	0	0	0.0	không chẵn	
38	Nguyễn Hoàng Tuệ Nhã	18/09/89	9	6	7	2	4.5	bốn rưỡi	
39	Lê Hoàng Khánh Nhân	09/03/90	6	5	5	2	3.5	ba rưỡi	
40	Hồ Vân Nhi	21/03/92	7	4	5	3	4.0	bốn chẵn	
41	Nguyễn Thanh Nhơn	30/06/91	7	6	6	5	5.5	năm rưỡi	
42	Nguyễn Thị Huỳnh Như	17/11/92	8	5	6	5	5.5	năm rưỡi	
43	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	27/06/91	7	3	4	0	2.0	hai chẵn	
44	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	22/05/91	7	5	6	5	5.5	năm rưỡi	
45	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	01/08/92	7	7	7	4	5.5	năm rưỡi	
46	Ngị Hồng Phát	12/11/89	7	4	5	4	4.5	bốn rưỡi	
47	Trần Hoài Phong	15/03/92	10	5	7	3	5.0	năm chẵn	
48	Trương Sỹ Phúc	04/08/91	8	5	6	4	5.0	năm chẵn	
49	Hà Kim Phụng	04/07/91	7	6	6	6	6.0	sáu chẵn	
50	Trương Tấn Phước	17/05/91	6	3	4	3	3.5	ba rưỡi	
51	Nguyễn Văn Phương	05/03/92	10	8	9	4	6.5	sáu rưỡi	
52	Phan Thị Kim Quanh	27/08/92	7	4	5	4	4.5	bốn rưỡi	
53	Đinh Thị Hoàng Quyên	05/11/91	7	5	6	5	5.5	năm rưỡi	
54	Lê Đức Quyền	04/12/89	7	5	6	3	4.5	bốn rưỡi	
55	Tạ Chiêu Quyền	24/09/91	10	4	6	6	6.0	sáu chẵn	
56	Khuong Tấn Tài	01/02/89	0	0	0	0	0.0	không chẵn	
57	Đỗ Thị Tâm	01/12/92	7	5	6	4	5.0	năm chẵn	
58	Nguyễn Đỗ Tân Thanh	15/02/91	10	5	7	3	5.0	năm chẵn	
59	Tạ Thi	14/03/91	7	8	8	7	7.5	bảy rưỡi	
60	Hồ Thị Kim Thi	13/09/90	7	6	6	5	5.5	năm rưỡi	
61	Phạm Nguyễn Thanh Thiên	26/06/91	7	6	6	6	6.0	sáu chẵn	
62	Lê Thị Kim Thoa	22/11/90	7	5	6	4	5.0	năm chẵn	
63	Trần Ngọc Thuởng	21/07/88	6	6	6	3	4.5	bốn rưỡi	
64	Nguyễn Thị Kim Thúy	07/11/90	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn	
65	Nguyễn Thị Minh Thùy	08/09/91	7	4	5	5	5.0	năm chẵn	
66	Lâm Thanh Thủy	28/04/90	8	3	5	2	3.5	ba rưỡi	
67	Trần Thị Kim Thủy	00/00/91	7	5	6	2	4.0	bốn chẵn	
68	Trần Quốc Toản	10/04/92	7	4	5	0	2.5	hai rưỡi	
69	Sầm Minh Tông	27/01/91	8	4	5	4	4.5	bốn rưỡi	
70	Trần Thị Thanh Trúc	01/04/91	8	7	7	4	5.5	năm rưỡi	
71	Nguyễn Văn Truyền	18/10/90	9	4	6	1	3.5	ba rưỡi	
72	Trịnh Văn Tuấn	26/12/91	7	6	6	4	5.0	năm chẵn	
73	Phan Thị Huyền Vi	01/10/86	9	4	6	4	5.0	năm chẵn	
74	Huỳnh Quốc Việt	14/01/88	6	7	7	4	5.5	năm rưỡi	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
75	Nguyễn Tấn Vũ	12/12/92	10	3	5	0	2.5	hai rưỡi	
76	Phùng Oanh Yên	01/01/92	7	7	7	4	5.5	năm rưỡi	
77	Phạm Hoàng Yên	02/11/92	7	3	4	3	3.5	ba rưỡi	
78	Bùi Thị Quỳnh Anh	08/08/91	0	0	0	0	0.0	không hẳn	QTKD 20/1

Giảng viên chấm I ký tên  
( giảng viên phụ trách giảng dạy )

*Luuk*  
\_\_\_\_\_  
Lê Hồng Nhung

Khoa ( Tổ )

Ngày..... tháng ..... năm ..... 2012  
Giảng viên chấm II ký tên

*Ninh*  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thị Ninh

